

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2020
V/v “*Không công nhận quan hệ
vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Nguyễn Văn Toàn- c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 11-6-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST–HNGĐ ngày 11/3/2020 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H N Niê, sinh năm 1997

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Anh Y T Ayũn, sinh năm 1995

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/2/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị H N Niê trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Y T Ayũn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi sống với nhau không hạnh phúc, chúng tôi hay cãi nhau về chuyện trong gia đình, ngoài ra anh Y T không chịu làm ăn thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 12/2015 đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm với anh Y T không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho tôi và anh Y T Ayũn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 01 con chung là Y T Niê,

sinh ngày 13-01-2015 hiện cháu đang ở với tôi, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Y T Ayũn trình bày: Tôi hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn chị H N Niê, về quan hệ hôn nhân, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

Về mâu thuẫn vợ chồng do hai vợ chồng tôi sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2015 đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm với chị H N Niê không còn nên tôi đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho tôi và chị H N Niê.

Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là Y T Niê, sinh ngày 13-01-2015 hiện cháu đang ở với chị H N Niê, tôi đồng ý giao con chung cho chị H N Niê trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận chị H N Niê và anh Y T Ayũn là quan hệ vợ chồng, về con chung giao con chung là Y Tư Niê, sinh ngày 13-01-2015 cho chị H N Niê trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H N Niê giữ nguyên yêu cầu.

Bị đơn anh Y T Ayũn vẫn giữ nguyên ý kiến và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị H N Niê và anh Y T Ayũn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Chị H N Niê và anh Y T Ayũn tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn, mặt khác tại biên bản làm việc chị H N Niê và anh Y T Ayũn cũng xác định chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với nhau anh, chị sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn nhau và hai người đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2015 đến nay. Nay chị H N Niê yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho chị và anh Y T Ayũn là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm c, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị H N Niê và anh Y T Ayũn có 01 con chung là Y T Niê, sinh ngày 13-01-2015 nay chị H N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên, lời trình bày và yêu cầu của chị H N được anh Y T chấp nhận, vì vậy xét lời trình bày và yêu cầu của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản: chị H N Niê và anh Y T Ayũn không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị H N Niê chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

-Về hôn nhân: Không công nhận chị H N Niê và anh Y T Ayũn là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: giao con chung là Y T Niê, sinh ngày 13-01-2015 cho chị H N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh Y T Ayũn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

-Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

-Về án phí: chị H N Niê phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004849 ngày 10/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã C;
- THA DS thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm